| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2022/DS-PT
Ngày 06 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Kim Của
*Các Thẩm phán:* Ông Lê Minh Đạt
Ông Lê Văn Phận

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Bản án dân sự phúc thẩm số: 147/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 225/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1961 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Phan Cao T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 253A, khu phố 1, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 65B7, Tổ 6, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 102A, khu phố 1, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972; Địa chỉ: 65B7, Tổ 6, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: 28C-28D, phố Bà Triệu, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, chi nhánh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

+ Bà Huỳnh Thị Ngọc T - Chuyên viên Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, chi nhánh Tiền Giang (vắng mặt);

+ Bà Huỳnh Thị Mỹ N1 - Chuyên viên chính Xử lý nợ Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (có mặt);

Địa chỉ: Số 12B6-12B7, NT, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 65A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1925 (xin vắng mặt);

5. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1990 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 99, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1960 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Tiên Đông Vàm, xã Tiên Thủy, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Hoàng M, ông Phan Cao T.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh.

** Đương sự do Toà án nhân dân tỉnh triệu tập:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1959; Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M trình bày:*

Vào ngày 14/02/2017 ông M có vay của ông T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn 5 năm, hai bên lập hợp đồng có công chứng.

Để đảm bảo số tiền vay, ông T yêu cầu ông M và bà T (vợ ông M) giao cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông M, bà T ký hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 164, tờ 13, diện tích 2.461,5m$^2$ đúng với số tiền vay 200.000.000 đồng cùng ngày 14/022017.

Trong hợp đồng vay tiền hai bên thỏa thuận ông T cam kết trong thời hạn 05 năm nếu ông M, bà T trả đủ số tiền đã vay thì ông T sẽ hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngược lại, nếu ông M, bà T không trả đủ tiền cho ông T thì ông T có quyền lấy đất của ông M, bà T.

Trong khi chưa hết thời hạn 05 năm thì ông T đã làm thủ tục sang tên đất cho ông T (điều chỉnh trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông M ở trang 4 cho ông T vào ngày 24/02/2017). Sau đó ông T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền 800.000.000 đồng của Ngân hàng Q chi nhánh Tiền Giang.

Vì vậy ông M yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 14/02/2017 giữa ông M với ông Phan Cao T, điều chỉnh tên người sử dụng đất từ ông T sang cho ông M phần đất thuộc thửa số 164, tờ bản đồ số 13 tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Hiện tại, ông M là người trực tiếp quản lý canh tác phần đất này.

*Bị đơn ông Phan Cao T, người đại diện theo uỷ quyền bà Đinh Thị Bé M trình bày:*

Vào ngày 14/02/2017 ông T nhận chuyển nhượng thửa đất số 164, tờ 13 của ông M, bà T với giá 200.000.000 đồng, ông T đã làm thủ tục chuyển sang tên và đã thế chấp đất để vay 800.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q chi nhánh Tiền Giang.

Khi chuyển nhượng trên đất có nhà của ông M nhưng nhà chưa đăng ký quyền sở hữu nên hợp đồng không có ghi chuyển nhượng nhà nhưng thực tế nhà ông T cũng đã mua của ông M, bà T.

Thực tế ngày 14/02/2017 ông M, bà T vay của ông T số tiền 200.000.000 đồng, nhưng do ông T phải vay tiền của người khác với lãi suất cao giúp ông M, bà T, sau đó do không trả được nợ nên ông M, bà T mới ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông T.

Việc chuyển nhượng đất là hợp pháp nên ông T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông M, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:*

Bà là vợ của ông M nhưng đã ly thân gần 05 năm nay; trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có tài sản chung; thửa đất số 164, tờ 13, tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre là tài sản riêng của ông M, có nguồn gốc là của mẹ ruột ông M cho ông M.

Bà T ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng đất là do sự ép buộc của ông M, bà không có nhận tiền gì từ ông T, ông M. Việc ông M có vay tiền của ông T hay không bà không biết. Do phần đất trên là tài sản riêng của ông M nên bà T xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (Ngân hàng Q) trình bày:*

Vào ngày 16/3/2017, ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N ký kết hợp đồng thế chấp thửa đất số 164, tờ 13, diện tích 2461,5m$^2$ tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre để vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay hoàn tiền mua nhà, lãi suất ban đầu theo hợp đồng là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn là 18,3%/năm, phương thức trả nợ: gốc và lãi trả hàng tháng.

Trong quá trình vay ông T, bà N không thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ vốn và lãi theo thỏa thuận. Tính đến ngày 08/5/2020 ông T, bà N còn nợ ngân hàng tổng cộng là 849.611.810 đồng, trong đó nợ gốc là 686.780.000 đồng, lãi trong hạn là 118.388.658 đồng, lãi quá hạn là 44.443.152 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông T, bà N phải trả số nợ là 849.611.810 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận từ ngày 09/5/2020 đến khi trả dứt nợ, nếu ông T, bà N không trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Anh là cháu của ông M, anh có thuê một diện tích đất khoảng 30m$^2$ để cất một căn nhà gạch và buôn bán, anh đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá, nếu ai nhận đất thì phải trả lại anh giá trị nhà theo quy định nhưng anh không có yêu cầu độc lập, chưa có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M đối với ông Phan Cao T.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 14/02/2017 giữa ông Nguyễn Hoàng M, bà Nguyễn Thị Xuân T với ông Phan Cao T.

Buộc ông Nguyễn Hoàng M, bà Nguyễn Thị Xuân T có trách nhiệm trả cho ông Phan Cao T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 13, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre từ ông Phan Cao T sang ông Nguyễn Hoàng M.

Bác yêu cầu phản tố của ông Phan Cao T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 14/02/2017 giữa ông Nguyễn Hoàng M, bà Nguyễn Thị Xuân T với ông Phan Cao T.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Buộc ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2020 là 849.611.810 đồng, trong đó nợ gốc là 686.780.000 đồng, lãi trong hạn là 118.388.658 đồng, lãi quá hạn là 44.443.152 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 081/17/HĐCV/110-

11 ngày 16/3/2017 được ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q chi nhánh Tiền Giang với ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N.

Do ông Nguyễn Hoàng M, bà Nguyễn Thị Xuân T chưa chuyển giao đất cho ông Phan Cao T và đang quản lý tài sản thế chấp là thửa đất số 164, tờ bản đồ số 13, diện tích 2461,5m$^2$, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên ông M, bà T có nghĩa vụ trả thay cho ông T, bà N số tiền 849.611.810 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay như đã nêu trên.

Trường hợp ông M, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 081/2017/HĐTC/110-11 ngày 16/3/2017 là quyền sử dụng đất thửa đất số 164, tờ bản đồ số 13, xã T, huyện C, Bến Tre.

Ông Nguyễn Hoàng M, bà Nguyễn Thị Xuân T có quyền khởi kiện ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N để đòi lại số tiền ông bà đã thực hiện nghĩa vụ thay cho ông T bà N đối với hợp đồng vay nêu trên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông M, ông T đều có đơn kháng cáo, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có kháng nghị.

*Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 236/2020/DS-PT ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tuyên xử:*

Không chấp nhận kháng cáo của ông T, chấp nhận kháng cáo của ông M, chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 14/02/2017 giữa ông Nguyễn Hoàng M, bà Nguyễn Thị Xuân T với ông Phan Cao T. Buộc ông Nguyễn Hoàng M phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Cao T số tiền vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 835630 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 13, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre từ ông Phan Cao T sang cho ông Nguyễn Hoàng M.

Bác yêu cầu phản tố của ông Phan Cao T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 14/02/2017.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q: Buộc ông Phan Cao T bà Trần Thị Bích N trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2020 là 849.611.810 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã ký kết.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Tiền Giang về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp.

Hủy Hợp đồng thế chấp số 081/2017/HĐTC/110-10 ký ngày 16/3/2017 giữa ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q chi nhánh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Phan Cao T có đơn yêu cầu xem xét lại bản án phúc thẩm, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị.

Tại quyết định kháng nghị số: 43/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 13/01/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và thay đổi một phần nội dung kháng nghị, đề nghị hủy bản án phúc thẩm về phần buộc ông T, bà N phải trả số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2020 là 849.611.810 đồng cho Ngân hàng TMCP Q để giải quyết lại phần này theo thủ tục phúc thẩm, giữ nguyên các phần còn lại của bản án phúc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 147/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận một phần kháng nghị số 43/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 13/01/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 236/2020/DS-PT ngày 12/8/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre (mục 2 của quyết định) về phần giải quyết về trách nhiệm trả nợ cho ông Phan Cao T, nhưng có bổ sung trách nhiệm trả nợ của bà Nguyễn Thị Xuân T: Buộc ông Nguyễn Hoàng M, bà Nguyễn Thị Xuân T phải trả cho ông Phan Cao T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 236/2020/DS-PT ngày 12/8/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre (mục 3 của quyết định) về phần giải quyết trách nhiệm trả nợ của ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N đối với Ngân hàng TMCP Q.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Cao T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày, sau khi TAND thành phố B xét xử sơ thẩm thì ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N đã bán thửa đất đang thế chấp cho Ngân hàng để trả nợ cho Ngân hàng xong nên hiện tại ông T, bà N không còn nợ tiền Ngân hàng. Ông T, bà N đã bán thửa đất trên cho ông Lê Văn C, việc ông T, bà N bán đất cho ông C được sự đồng ý của Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP Q chi nhánh Tiền Giang có đơn xin rút đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021, lý do ông Phan Cao T đã trả hết món nợ vay theo Hợp đồng vay số 081/17/HĐCV/110-11 ngày 16/03/2017 và Hợp đồng thế chấp số 081/2017/HĐTC/110-11 ngày 16/03/2017 là quyền sử dụng đất thửa 164, tờ 13, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre tại Ngân hàng TMCPQD Tiền Giang và Tại Công văn xác nhận số 28/2021/CV-NCB-TG ngày 06/12/2021 của Ngân hàng TMCP Q chi nhánh Tiền Giang xác nhận Hợp đồng vay số 081/17/HĐCV/110-11 ngày 16/03/2017 số tiền vay 849.611.810 đồng, tính đến ngày 06/8/2020 dự nợ của ông Phan Cao T tại Ngân hàng là 0 đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn C (người có đơn xin được tham dự phiên toà) là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày: Qua dò hỏi ông C được biết phần đất thửa số 164, tờ bản đồ 13 của ông Phan Cao T đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Q chi nhánh Tiền Giang. Khi làm việc với Ngân hàng cho biết món vay thế chấp này đã quá hạn nên cần xử lý nợ. Ngân hàng cho biết cách xử lý

là làm biên nhận với ông T trước rồi cùng ông T mang tiền đến Ngân hàng trả và Ngân hàng sẽ xuất sổ ra và sẽ cấp cho ông C giấy giải chấp để đi xoá thế chấp rồi ra công chứng để làm thủ tục sang tên. Do đó ông C đã đồng ý mua đất giá 2 tỷ đồng, ông C cùng với ông T trả cho Ngân hàng 890.000.000 đồng và sau đó đưa tiếp cho ông T để ông T trả tiếp cho Ngân hàng khoản vay khác, tổng cộng 1,7 tỷ đồng, còn lại khi sang tên ông C sẽ giao đủ. Nhưng sau đó ông C biết được Ngân hàng và ông T đã biết phần đất này đang tranh chấp và được giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 11/2020/DSST ngày 12/5/2020, Ngân hàng biết rõ phần đất đang tranh chấp nhưng vẫn cho giải chấp vào ngày 06/8/2020 đã gây cho ông C quá nhiều thiệt hại, nhưng Ngân hàng đã không thông báo cho ông biết sự việc này, do đó ông C yêu cầu ông T và Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi hoàn số tiền mà ông C đã bỏ ra do hai bên gây ra cho ông.

*Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:*

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 284, 299, khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, rút một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Q, buộc ông T và bà N trả cho Ngân hàng số tiền 849.611.810 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã ký. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 12/5/2020 của TAND thành phố B, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Q theo quy định tại Điều 299, 311 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về án phí: Do xác định Ngân hàng rút đơn yêu cầu trên cơ sở ông T, bà N đã tự nguyện nộp trả tiền vay trong quá trình Toà phúc thẩm thụ lý giải quyết vụ án, nên trách nhiệm chịu án phí đề nghị chia đôi cho các bên.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Quyết định giám đốc thẩm số 147/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 236/2020/DS-PT ngày 12/8/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản (có bổ sung trách nhiệm liên đới trả nợ của bà T đối với ông T), chỉ huỷ một phần bản án phúc thẩm về phần giải quyết trách nhiệm trả nợ của ông T, bà N đối với Ngân hàng TMCP Q.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Ngân hàng TMCP Q chi nhánh tỉnh Tiền Giang và đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Cao T trình bày: Ông Phan

Cao T đã trả xong khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Q chi nhánh tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng vay số 081/17/HĐCV/110-11 ngày 16/03/2017 số tiền là 849.611.810 đồng, tính đến ngày 06/8/2020 dư nợ của ông Phan Cao T tại Ngân hàng là 0 đồng.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, Ngân hàng TMCP Q có đơn xin rút yêu cầu độc lập đề ngày 06/01/2022 đối với ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N, tuy nhiên người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Cao T không đồng ý cho Ngân hàng rút đơn yêu cầu độc lập. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N do phía bị đơn ông Phan Cao T không đồng ý. Tuy nhiên, theo lời trình bày của Ngân hàng và người đại diện theo uỷ quyền của ông T thì sau ngày 06/8/2020 ông T đã không còn khoản nợ nào đối với Ngân hàng, do đó khoản nợ trên ông T đã trả cho Ngân hàng là sau khi có bản án sơ thẩm. Như vậy, nếu chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng buộc ông T trả lại khoản nợ vay cũng không đúng, đồng thời nếu chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà là chấp nhận đơn xin rút yêu cầu độc lập của Ngân hàng cũng chưa đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, do nếu chấp nhận đơn xin rút yêu cầu độc lập của Ngân hàng thì ông T phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm, còn nếu không chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng thì Ngân hàng cũng phải chịu án phí sơ thẩm. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng cũng như đảm bảo quyền lợi của ông T đối với trách nhiệm phải chịu án phí sơ thẩm thì việc Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu độc lập thì Toà án cấp sơ thẩm sẽ xem xét giải quyết để phía ông T và Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mới đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông T và Ngân hàng.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố B về hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N. Riêng nội dung các phần khác của quyết định giám đốc thẩm giữ nguyên bản án dân sự phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Do đó, đối với yêu cầu của người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Cao T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm và phúc thẩm là không có căn cứ, bởi lẽ các nội dung phía bị đơn yêu cầu bản án giám đốc thẩm đã có hiệu lực nên Toà án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh Bến Tre về hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N. Các phần còn

lại của bản án dân sự sơ thẩm và bản án dân sự phúc thẩm theo Quyết định số 147/2021/DS-GĐT ngày 11/5/2021 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét.

Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đối với nội dung hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Phan Cao T, bà Trần Thị Bích N.

Hoàn lại cho ông Phan Cao T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0011807 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Kim Của**